Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH LONG
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 19 - 11 - 2026 15:20:58

DỰ TOÁN CHI TIẾT

Công tác tổ chức khai mạc, thi đấu và khen thưởng môn bóng đá nữ 05 người
Chào mừng "Ngày Văn hóa Việt Nam" xã Minh Long năm 2026
Thuộc vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu Phát triển Văn hóa năm 2026
(Kèm theo Quyết định số: 1745 /QĐ-UBND ngày 19 /11/2026 của Chủ tịch UBND xã)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (tạm tính)	Thành tiền	Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách Địa phương	Trong đó		Ghi chú
									Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
A	**KINH PHÍ TỔ CHỨC KHAI MẠC**				**6,925,000**	**6,925,000**	**5,332,250**	**1,592,750**	955,650	637,100	
1	Phông trang trí (3m x 7m x 100.000đ/m2) in bạt căn khung sắt	m^2	21	100,000	2,100,000	2,100,000	1,617,000	483,000	289,800	193,200	- Theo khoản 6, điều 4, Thông tư 117/2025/TT-BTC; - Theo tiết a, khoản 2, điều 5 Thông tư 75/2026/TT-BTC và Thông tư 40/2017/TT-BTC, Thông tư 12/2025/TT-BTC; - Điều 7, Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 - Và theo thực tế
2	In decan dán bản tên các đội (bảng tên có sẵn)	Cái	10	40,000	400,000	400,000	308,000	92,000	55,200	36,800	
3	Cờ lưu niệm tặng các đội và Tổ trọng tài	Cái	10	150,000	1,500,000	1,500,000	1,155,000	345,000	207,000	138,000	
4	Nước uống phục vụ lễ khai mạc	Thùng	5	85,000	425,000	425,000	327,250	97,750	58,650	39,100	
5	Thuê âm thanh (dàn nhỏ)	Dàn	1	2,500,000	2,500,000	2,500,000	1,925,000	575,000	345,000	230,000	
B	**KINH PHÍ PHỤC VỤ TỔ CHỨC THI ĐẤU**				**17,576,000**	**17,576,000**	**13,533,520**	**4,042,480**	2,425,488	1,616,992	
1	Chi lực lượng Trọng tài (6 người x 6 buổi) = 36 buổi	Người/buổi	36	136,000	4,896,000	4,896,000	3,769,920	1,126,080	675,648	450,432	Điều 2, Nghị quyết 07/2026/NQ-HĐND
2	Chi y tế 01 người/buổi x 6 buổi	Người/buổi	6	80,000	480,000	480,000	369,600	110,400	66,240	44,160	
3	Nước uống phục vụ tổ chức thi đấu (nước Thạch Bích thùng)	Thùng	20	85,000	1,700,000	1,700,000	1,309,000	391,000	234,600	156,400	- Theo tiết a, khoản 2, điều 5 Thông tư 75/2026/TT-BTC - Thông tư 40/2017/TT-BTC, Thông tư 12/2025/TT-BTC; - Tạm tính
4	Thuê địa điểm thi đấu (sân, bóng, dù che,…)	Ngày	3	3,000,000	9,000,000	9,000,000	6,930,000	2,070,000	1,242,000	828,000	- Theo khoản 6, điều 4, Thông tư 117/2025/TT-BTC; - Tạm tính
5	Thuê âm thanh phục vụ thi đấu	Ngày	3	500,000	1,500,000	1,500,000	1,155,000	345,000	207,000	138,000	- Theo khoản 6, điều 4, Thông tư 117/2025/TT-BTC; - Tạm tính
C	**KINH PHÍ CHO BAN TỔ CHỨC HỌP TRIỂN KHAI VÀ BẾ MẠC**				**6,760,000**	**6,760,000**	**5,205,200**	**1,554,800**	932,880	621,920	

1	Chi văn phòng phẩm, in ấn tài liệu họp	Người	10	30,000	300,000	300,000	231,000	69,000	41,400	27,600	- Theo tiết a, khoản 2, điều 5 Thông tư 75/2026/TT-BTC và Thông tư 40/2017/TT-BTC, Thông tư 12/2025/TT-BTC; - Điều 7, Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 - Và theo thực tế
2	Chi giải khát giữa giờ (2 buổi x 50.000 đồng = 100.000 đồng)	Người/buổi	10	100,000	1,000,000	1,000,000	770,000	230,000	138,000	92,000	Điều 7, Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025
3	Chi cho Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên ban tổ chức	Người/ngày	10	192,000	1,920,000	1,920,000	1,478,400	441,600	264,960	176,640	Điều 2, Nghị quyết 07/2026/NQ-HĐND
4	Tổ phục vụ cho công tác tổ chức và thi đấu (03 người x 06 buổi = 18 buổi)	buổi	18	80,000	1,440,000	1,440,000	1,108,800	331,200	198,720	132,480	
4	Phông trang trí bế mạc (3m x 7m x 100.000đ/m2) in bạt căn khung sắt	m^2	21	100,000	2,100,000	2,100,000	1,617,000	483,000	289,800	193,200	Theo khoản 6, điều 4, Thông tư 117/2025/TT-BTC và thực tế
D	**KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN**				**7,960,000**	**7,960,000**	**6,129,200**	**1,830,800**	1,098,480	732,320	
1	In băng rôn tuyên truyền: (0,7m x 8m x 70.000đ/m2) = 392.000đ/tấm	Tấm	15	392,000	5,880,000	5,880,000	4,527,600	1,352,400	811,440	540,960	Theo khoản 6, điều 4, Thông tư 117/2025/TT-BTC và theo thực tế
2	In phướn: (0,8m x 2m x 65.000đ/m2) = 104.000/tấm	Tấm	20	104,000	2,080,000	2,080,000	1,601,600	478,400	287,040	191,360	
E	**CHI KHEN THƯỞNG CHO CÁC ĐỘI ĐOẠT GIẢI**				**6,600,000**	**6,600,000**	**5,082,000**	**1,518,000**	910,800	607,200	
-	Giải nhất	Giải	1	3,000,000	3,000,000	3,000,000	2,310,000	690,000	414,000	276,000	Theo khoản 6, điều 3 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
-	Giải nhì	Giải	1	2,000,000	2,000,000	2,000,000	1,540,000	460,000	276,000	184,000	
-	Giải ba	Giải	1	1,600,000	1,600,000	1,600,000	1,232,000	368,000	220,800	147,200	
IV	**CHI KHÁC**				**18,450,000**	**18,450,000**	**14,206,500**	**4,243,500**	2,546,100	1,697,400	
-	Mua cờ giải tặng các đội nhất, nhì, ba cho 02 nội dung (bóng đá nam và nữ)	Cờ (lá)	3	150,000	450,000	450,000	346,500	103,500	62,100	41,400	Theo khoản 6, điều 4, Thông tư 117/2025/TT-BTC và thực tế
-	Chi hỗ trợ cho các đội tham gia (mua đồng phục, chi phí đi lại, ăn uống)	Đội	9	2,000,000	18,000,000	18,000,000	13,860,000	4,140,000	2,484,000	1,656,000	
TỔNG CỘNG					**64,271,000**	**64,271,000**	**49,488,670**	**14,782,330**	8,869,398	5,912,932	